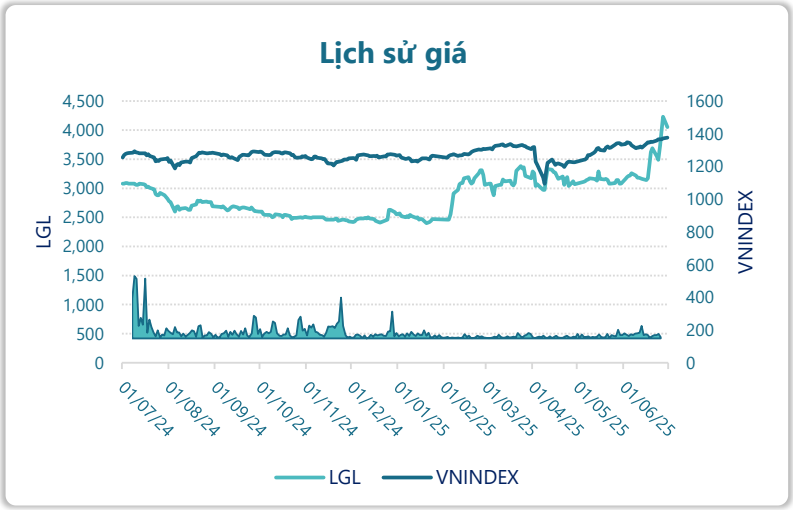
FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang (HSX: LGL)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,050**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,230
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,400
SL cổ phiếu LH	51,497,100
KLGD BQ 20 phiên (CP)	297,120
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	209
P/E	-8.1
EPS	-498

DT thuần

Q2/25

4.86

tỷ VNĐ

QoQ: ▼30.0| -86.1%

YoY: ▼21.2| -81.4%

LN sau thuế

Q2/25

1.62

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.94| -64.5%

YoY: ▲ 18.3| 110%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

174%

+/- YoY: ▲ 193%

DT thuần

6T 2025

39.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼15.9| -28.6%

LN sau thuế

6T 2025

6.18

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 26.1| 131%

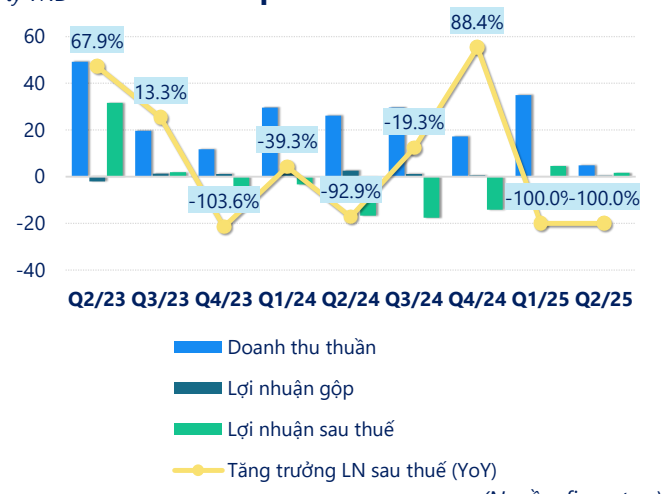
ROE

Q2/25

-3.8%

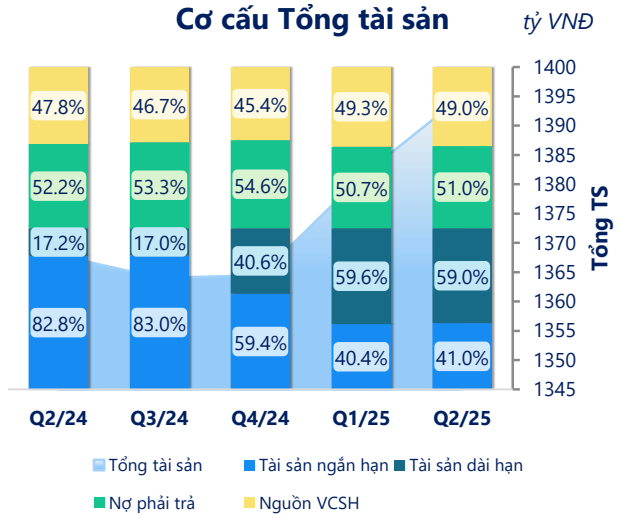
+/- YoY: ▲ 1.0%

Kết quả kinh doanh



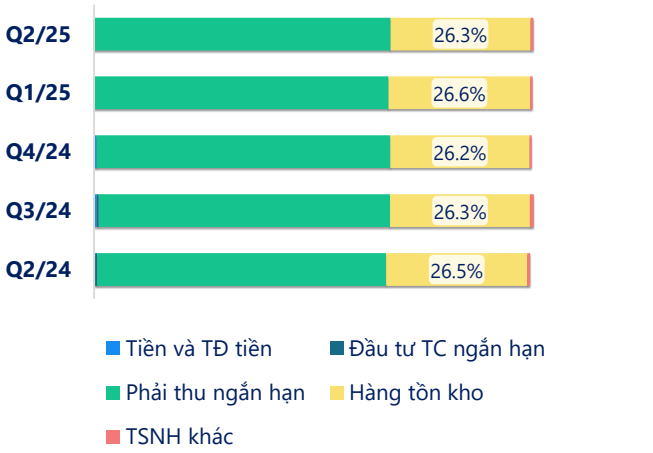
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



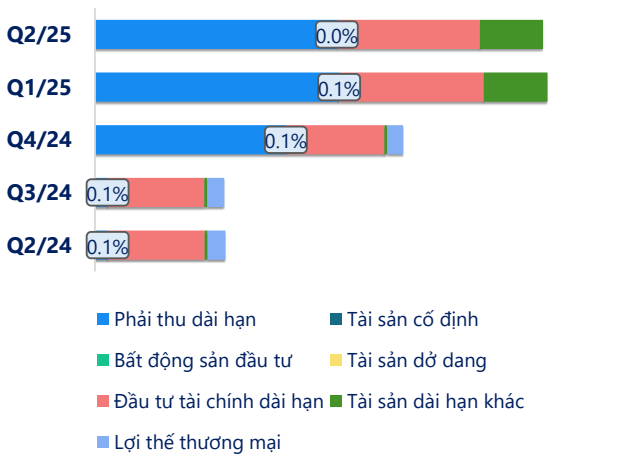
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



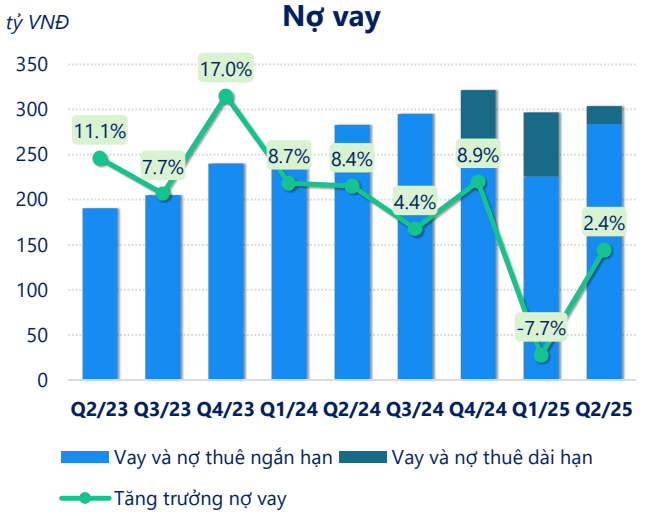
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



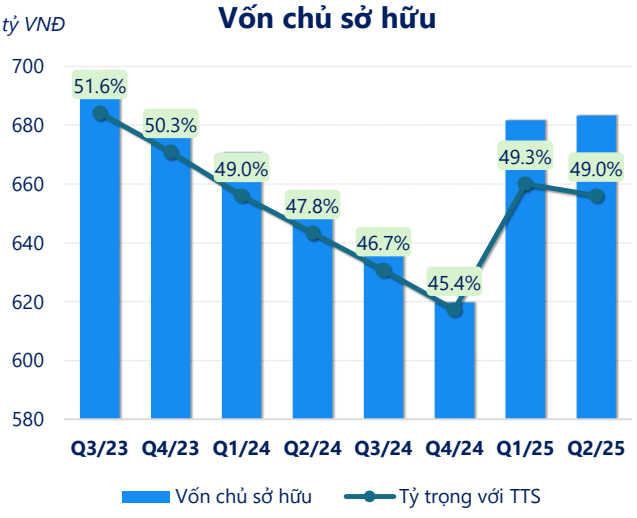
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



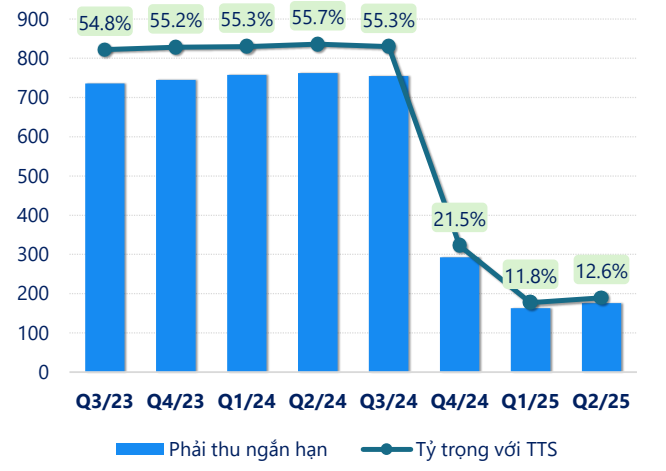
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



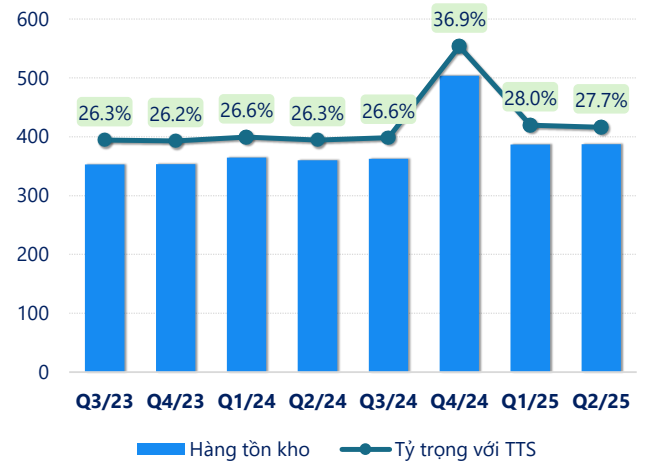
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



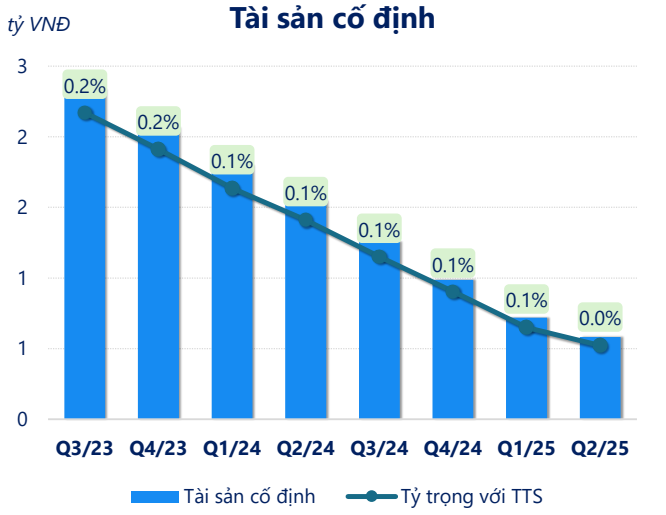
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



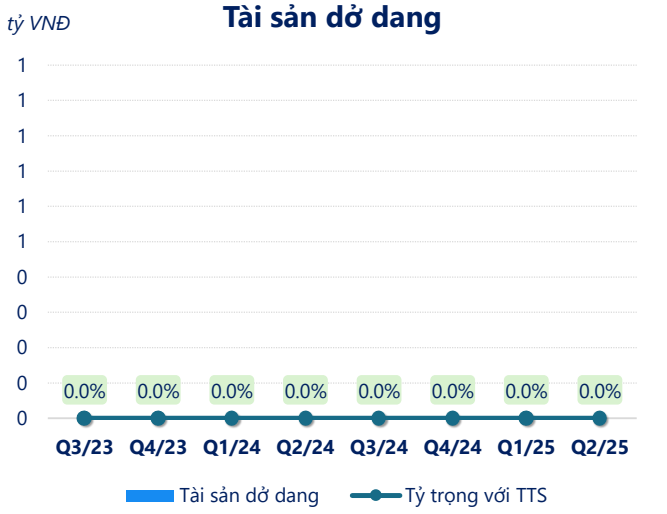
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



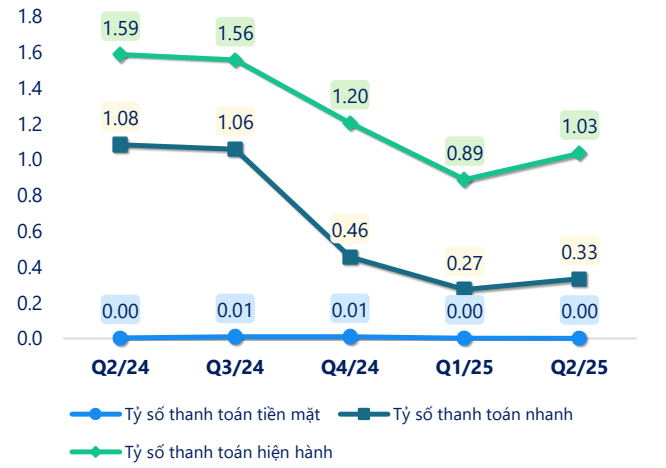
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



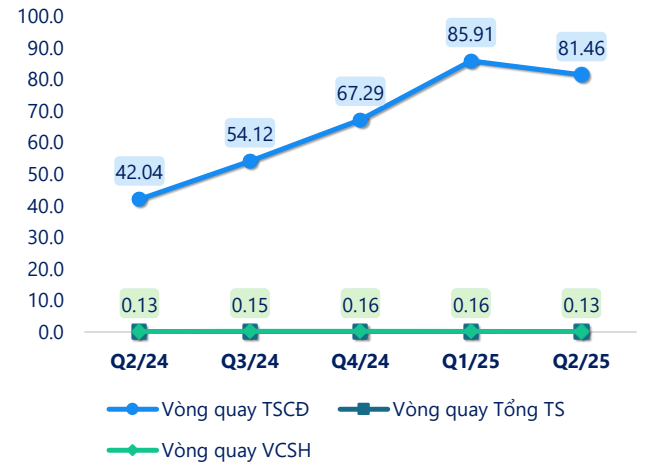
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,368**	**1,364**	**1,364**	**1,381**	**1,395**
Tài sản ngắn hạn	**1,133**	**1,132**	**811**	**559**	**572**
Tiền và tương đương tiền	2.53	6.66	6.74	0.95	0.48
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phải thu ngắn hạn	762	754	293	163	176
Hàng tồn kho	360	362	503	387	387
Tài sản ngắn hạn khác	7.93	8.55	7.59	7.99	8.61
Tài sản dài hạn	**235**	**232**	**554**	**823**	**823**
Phải thu dài hạn	22.1	22.1	342	444	444
Tài sản cố định	1.54	1.26	0.99	0.72	0.58
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	174	173	177	263	263
Tài sản dài hạn khác	5.42	5.31	5.30	116	116
Lợi thế thương mại	32.3	30.3	28.3	0	0
Nợ phải trả	**714**	**728**	**745**	**700**	**712**
Nợ ngắn hạn	**714**	**727**	**674**	**629**	**553**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	283	295	250	226	284
Phải trả người bán ngắn hạn	102	103	97.4	93.1	90.7
Nợ dài hạn	0.18	0.33	71.2	71.2	159
Vay và nợ thuê dài hạn	0.18	0.33	71.2	71.2	20.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**654**	**636**	**620**	**682**	**683**
Vốn chủ sở hữu	**654**	**636**	**620**	**682**	**683**
Vốn điều lệ	515	515	515	515	515
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)